

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐOAN HÙNG
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 80/2021/HS-ST

Ngày: 30 - 11 - 2021

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐOAN HÙNG, TỈNH PHÚ THỌ**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Khanh

- *Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Nguyễn Ngọc Quang

2. Ông Nguyễn Đức Cường

Nghề nghiệp: Phó Bí thư Huyện đoàn huyện Đ;

- *Thư ký phiên tòa:* Ông **Trần Minh Thắng** - Thư ký, Tòa án nhân dân huyện Đoan Hùng.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đoan Hùng tham gia phiên tòa:* Bà **Nguyễn Phương Anh** - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 87/2021/TLST-HS ngày 18 tháng 11 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 91/2021/QĐXXST - HS ngày 18 tháng 11 năm 2021 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Lò Thị C**, Sinh ngày: 22/11/1998 tại huyện T, tỉnh Thanh Hóa;

Nơi cư trú: Khu phố T Sơn 1, thị trấn X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa;

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 11/12;

Giới tính: Nữ; Dân tộc: Thái; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam;

Con ông: Lò Đức N, sinh năm 1975 và bà Lương Thị Q, sinh năm 1977;

Chồng: Ma Văn C, sinh năm 1993; Con: Có 01 con sinh năm 2016;

Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 29/6/2021, đến ngày 05/7/2021 chuyển tạm giam. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Phú Thọ. (có mặt)

2. Họ và tên: **Bùi Mạnh T**, Sinh ngày: 10/6/1984 tại huyện P, tỉnh Phú Thọ;

Nơi cư trú: khu 1, xã M, huyện P, tỉnh Phú Thọ;

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 9/12;

Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không;

Con ông: Bùi Văn Đ, sinh năm 1964 và bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1964;

Vợ: Nguyễn Thị Kim Tuyết H, sinh năm 1985; Con: Có 03 con, lớn nhất sinh năm 2007, nhỏ nhất sinh năm 2018;

Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 29/6/2021 đến ngày 05/7/2021 được thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú tại xã M, huyện P, tỉnh Phú Thọ từ ngày 05/7/2021 đến ngày 24/11/2021. Hiện tại ngoại. (có mặt).

3. Họ và tên: **Nguyễn Văn L**, Sinh ngày 08/8/1993 tại huyện Đ, tỉnh Phú Thọ;

Nơi cư trú: khu 5, xã S, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ;

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 9/12;

Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không;

Con ông: Nguyễn Văn H, sinh năm 1955 và bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1957;

Vợ: Tạ Thị T, sinh năm 1995; Con: Có 03 con, lớn nhất sinh năm 2014, nhỏ nhất sinh năm 2021;

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 29/6/2021 đến ngày 05/7/2021 được thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú tại xã S, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ từ ngày 05/7/2021 đến ngày 24/11/2021. Hiện tại ngoại. (có mặt).

**Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan :*

+ Anh **Vũ Đình Q**, Sinh năm 1981 và chị Ngô Thị N, Sinh năm 1987.

Địa chỉ: Khu 4, xã V, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ (Vắng mặt).

+ Anh **Đặng Quốc T**, Sinh năm 1993.

Địa chỉ: Thôn Thượng Đức, xã Đ, huyện S, tỉnh Vĩnh Phúc (Vắng mặt).

+ Anh **Văn T H**, Sinh năm 1991.

Địa chỉ: Thôn Gò Đình, xã H, huyện S, tỉnh Tuyên Quang (Vắng mặt).

+ Chị **Lò Thị T**, Sinh năm 1998.

Địa chỉ: Bản Bùa Hạ, xã T, huyện P, tỉnh Sơn La (Vắng mặt).

+ Anh **Nguyễn Đình K**, Sinh năm 1991.

Địa chỉ: Khu Tiên Phong, xã H, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Hồi 0 giờ 20 phút ngày 29/6/2021, tại quán karaoke Hằng Nga ở khu 4, xã V, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ, Công an xã V đã Tiến hành kiểm tra, phát hiện và lập biên bản vi phạm Hành C đối với chủ quán là anh Vũ Đình Q sinh năm 1981 trú quán ở khu 4, xã V về Hành vi kinh doanh dịch vụ karaoke ngoài thời gian quy định. Thời điểm đó, tại phòng Vip 3, tầng 1 của quán có 07 nam giới và 05 nữ giới đang hát Karaoke. Qua kiểm tra test nhanh tìm chất ma túy trong cơ thể các đối tượng phát hiện có 05/12 đối tượng dương tính với ma túy, loại MDMA gồm: Lò Thị C sinh năm 1998 ở khu phố T Sơn 1, thị trấn X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Nguyễn Văn L sinh năm 1993 ở khu 5, xã S, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ; Đặng Quốc T sinh năm 1993 ở thôn Thượng Đức, xã Đ, huyện S, tỉnh Vĩnh Phúc; Lò Thị T sinh năm 1998 ở bản Bùa Hạ, xã T, huyện P, tỉnh Sơn La và Văn T H sinh năm 1991 ở thôn Gò Đình, xã H, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Các đối tượng đều thừa nhận vừa sử dụng ma túy tại quán hát trên. Nguồn gốc số ma túy mà Tr sử dụng là do L đưa cho. Nguồn gốc số ma túy mà

L, T, H sử dụng và nguồn gốc số ma túy L đưa cho Tr là do C đưa cho. Nguồn gốc số ma túy do C sử dụng và đưa cho các đối tượng trên là do Bùi Mạnh T sinh năm 1984 ở khu 1, xã M, huyện P, tỉnh Phú Thọ đưa cho.

Căn cứ các lời khai trên, Cơ quan điều tra đã Tiến hành triệu tập, lấy lời khai của Bùi Mạnh T. Tại Cơ quan điều tra, T thừa nhận Hành vi của mình.

Xét thấy Hành vi của Bùi Mạnh T, Lò Thị C, Nguyễn Văn L đủ yếu tố cấu thành tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy, Cơ quan điều tra đã ra Quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can và áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giam đối với Lò Thị C, biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú đối với Bùi Mạnh T, Nguyễn Văn L đồng thời điều tra làm rõ vụ án như sau:

Bùi Mạnh T, Nguyễn Văn L, Văn T H và Đặng Quốc T đều làm nghề lái tàu trên sông nên quen biết nhau. Qua quan hệ xã hội, các đối tượng trên quen biết với Lò Thị C và Lò Thị T cùng là nhân viên phục vụ cho các quán Karaoke trên địa bàn huyện Đ.

Khoảng 17 giờ ngày 28/6/2021, T, L, H, Tr, C, T cùng 02 người khác là Nguyễn Đình K sinh năm 1991 ở khu Tiền Phong, xã H, huyện Đ và Nguyễn Đức Th sinh năm 1992 ở thôn Ngọc Chúc 1, xã Chí Đám, huyện Đ đến tàu chở của L neo đậu ở xã H để ăn cơm, uống rượu. Đến khoảng 23 giờ cùng ngày, cả nhóm trên cùng nhau đến quán Hằng Nga để hát karaoke. Tại đây, các đối tượng được chị Ngô Thị N sinh năm 1987 là vợ của anh Vũ Đình Q sắp xếp vào hát tại phòng Vip 3 tại tầng 1 của quán. Trong lúc hát, Bùi Mạnh T đi đến chỗ Lò Thị C đang ngồi, nói với C là T có 01 viên ma túy tổng hợp (MDMA), nếu C sử dụng thì T cho. C đồng ý. T cầm viên ma túy đựng trong túi nilon màu trắng có rãnh bấm đi ra nhà vệ sinh ở tầng 1, bẻ viên ma túy này thành 04 mảnh rồi quay vào phòng Vip 3 đưa cho C. Sau đó, T ra khỏi phòng, đi lên phòng hát khác để giao lưu.

Sau khi nhận ma túy từ T, C đi đến chỗ Văn T H, đưa cho H 01 mảnh của viên ma túy và bảo H sử dụng. H cầm mảnh ma túy, sử dụng hết bằng hình thức uống vào cơ thể. C tiếp tục đi đến chỗ Nguyễn Văn L, đưa cho L 01 mảnh của viên ma túy. L nhận lấy rồi đưa cho Đặng Quốc T bảo Tr sử dụng. Tr cầm mảnh ma túy này, pha với nước ngọt rồi sử dụng hết bằng hình thức uống vào cơ thể. Lúc này, C thấy Lò Thị T đi ra nhà vệ sinh ở tầng 1 nên đi theo. Tại đây, C lấy 01 mảnh ma túy bẻ làm hai phần, tự mình sử dụng hết một phần bằng hình thức uống vào cơ thể, phần còn lại đưa cho T. Ban đầu, T không biết là gì nên không uống. C nói với T *“cứ uống đi không sao đâu, chỉ hơi phê phê thôi”* nên T đồng ý cho số ma túy này vào miệng để nuốt nhưng do thấy đáng nên T đã nhổ ra ngoài. Sau đó, cả hai cùng quay lại phòng hát.

Do trước đó, C thấy L không sử dụng mảnh ma túy mình đưa cho mà đưa lại cho Tr nên C đã để lại mảnh ma túy còn lại cho L và gọi L ra nhà vệ sinh ở tầng 1 để đưa. L nhận ma túy và sử dụng hết bằng hình thức uống vào cơ thể. Sau đó, cả hai tiếp tục quay vào phòng hát. Đến khoảng 0 giờ 20 phút cùng ngày, khi các đối tượng đang hát karaoke thì bị Công an xã V vào kiểm tra, phát hiện có biểu hiện sử dụng trái phép chất ma túy nên đã báo cáo Công an huyện Đ. Công an huyện Đ đã triệu tập các đối tượng về trụ sở làm việc và điều tra làm rõ vụ việc như trên. Việc nảy sinh ý định và

sử dụng ma túy là phát sinh sau khi vào hát, các đối tượng sử dụng cũng không nói cho chủ quán hát biết việc này. Mục đích Bùi Mạnh T cung cấp ma túy cho Lò Thị C là để C sử dụng. Mục đích Lò Thị C cung cấp ma túy cho Văn T H, Nguyễn Văn L, Lò Thị T là để H, L, T sử dụng. Mục đích Nguyễn Văn L cung cấp ma túy cho Đặng Quốc T là để T sử dụng. Các đối tượng không phải trả cho nhau bất kì khoản tiền nào để được sử dụng ma túy.

Về nguồn gốc số ma túy cung cấp cho C, Bùi Mạnh T khai do T nhặt được tại ghế sofa ở sảnh quán karaoke Hằng Nga trước khi vào hát, ngoài lời khai của T không có tài liệu nào khác chứng minh nên không có căn cứ để xác định cụ thể nguồn gốc số ma túy trên.

Về việc chia ma túy cho L, H, T như trên, C khai nhận là do T bảo với C. Tuy nhiên, T không thừa nhận nội dung này, khẳng định việc bản thân bẻ viên ma túy ra thành 04 mảnh rồi đưa cho C là do C xin và nhờ T bẻ nhỏ để dễ sử dụng. Mục đích T cung cấp ma túy cho C là để cho C sử dụng, T không biết việc C sử dụng như thế nào. Các đối tượng L, H, T cũng xác nhận T không nói gì với mình, không biết nguồn gốc số ma túy mà C đưa do đâu mà có. Do vậy, không có đủ căn cứ để xử lý Bùi Mạnh T đồng phạm với C theo khoản 2 Điều 255 Bộ luật hình sự là phạm tội đối với 02 người trở lên mà chỉ đề cập xử lý Bùi Mạnh T theo khoản 1 Điều này.

Đối với Hành vi kinh doanh dịch vụ karaoke ngoài thời gian quy định của anh Vũ Đình Q không liên quan đến vụ án, đồng thời anh Q và vợ là chị Ngô Thị N cũng không biết việc các đối tượng sử dụng ma túy trong quán Karaoke thuộc quyền quản lý của mình nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý hình sự đối với anh Q và chị Nga, chỉ xử phạt vi phạm Hành C đối với anh Q về Hành vi kinh doanh dịch vụ karaoke ngoài thời gian quy định là phù hợp.

Đối với Hành vi sử dụng trái phép chất ma túy của Lò Thị C, Nguyễn Văn L, Đặng Quốc T, Văn T H, Lò Thị T, Cơ quan điều tra chuyển Công an huyện Đ xử phạt vi phạm Hành C là phù hợp.

Tại bản Cáo trạng số 62/CT-VKS-ĐH ngày 17/11/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Phú Thọ truy tố bị cáo Lò Thị C về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự, truy tố các bị cáo Bùi Mạnh T và Nguyễn Văn L về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo quy định tại khoản 1 Điều 255 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa: Kiểm sát viên vẫn giữ nguyên quan điểm như bản cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố: Các bị cáo Lò Thị C, Bùi Mạnh T và Nguyễn Văn L phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”.

Căn cứ Điểm b khoản 2 điều 255, điểm s khoản 1 điều 51, điều 38 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Lò Thị C từ: 7 năm đến 7 năm 6 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ là ngày 29/6/2021.

Căn cứ khoản 1 điều 255, điểm s khoản 1 điều 51, điều 38 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Bùi Mạnh T từ: 2 năm 3 tháng đến 2 năm 6 tháng tù. Thời hạn

tù tính từ ngày bị cáo đi thi Hành án. Trừ cho bị cáo thời gian đã bị tạm giữ từ ngày 29/6/2021 đến ngày 05/7/2021.

Căn cứ khoản 1 điều 255, điểm s khoản 1 và khoản 2 điều 51, điều 38 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn L từ: 2 năm đến 2 năm 3 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi thi Hành án. Trừ cho bị cáo thời gian đã bị tạm giữ từ ngày 29/6/2021 đến ngày 05/7/2021.

Hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

+ Xác nhận Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện Đ đã trả cho bị cáo Bùi Mạnh T 01 điện thoại di động nhãn hiệu iPhone XS Max màu vàng cài sim số 0983882099, trả cho bị cáo Nguyễn Văn L 01 điện thoại di động nhãn hiệu iPhone 7 màu đen cài sim số 0963113555.

(Theo biên bản về việc trả lại đồ vật, tài liệu ngày 17/11/2021 của CQCSĐT - Công an huyện Đ).

3. Về án phí: Áp dụng Khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điểm a Khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Buộc các bị cáo Lò Thị C, Bùi Mạnh T và Nguyễn Văn L mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về các Hành vi, Quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên: Quá trình điều tra, truy tố không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về Hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Trong quá trình chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người Tiến hành tố tụng. Do đó, Hội đồng xét xử nhận định các Hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên là phù hợp.

[2] Về Hành vi phạm tội: Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan Điều tra, lời khai của các đối tượng sử dụng ma túy, người làm chứng, thời gian, địa điểm, Kết quả test ma túy, vật chứng cũng như các tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Các bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự và thực hiện Hành vi với lỗi cố ý. Do vậy có đủ cơ sở khẳng định: Khoảng 23 giờ 30 phút ngày 28/6/2021, tại phòng Vip 3 tầng 1 của quán Karaoke Hằng Nga ở khu 4, xã V, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ, Bùi Mạnh T đã có Hành vi cung cấp 01 viên ma túy tổng hợp loại MDMA đã bẻ thành 04 mảnh cho Lò Thị C để C sử dụng. Sau khi nhận số ma túy này, Lò Thị C tiếp tục cung cấp cho Văn T H, Nguyễn Văn L và Lò Thị T để H, L, T sử dụng. Nguyễn Văn L sau đó cung cấp một phần ma túy do C đưa cho mình cho Đặng Quốc T sử dụng. Mục đích của Bùi Mạnh T, Lò Thị C và Nguyễn Văn L là

cung cấp ma túy cho những người khác sử dụng. Những người này không phải trả bất cứ khoản tiền nào để được sử dụng ma túy. Hành vi của Lò Thị C cung cấp trái phép chất ma túy cho nhiều người để sử dụng nên bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” quy định tại điểm b khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự. Hành vi của Bùi Mạnh T và Nguyễn Văn L cung cấp ma túy cho 01 người để sử dụng nên bị cáo T, bị cáo L phải chịu trách nhiệm hình sự về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo quy định tại khoản 1 Điều 255 Bộ luật Hình sự.

Vì vậy, bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đoan Hùng truy tố bị cáo Lò Thị C về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự; Bị cáo Bùi Mạnh T và Nguyễn Văn L về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo quy định tại khoản 1 Điều 255 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Khoản 1, 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự quy định:

“1. Người nào tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy dưới bất kì hình thức nào, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các Tr hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm:

...

b) Đối với 02 người trở lên;”

[3] Về tính chất, mức độ của Hành vi phạm tội; tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; nhân thân của bị cáo: Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, thuộc loại tội nghiêm trọng và rất nghiêm trọng. Các bị cáo không những đã xâm phạm đến chế độ độc quyền quản lý các chất ma túy của NH nước mà còn gây mất trật tự trị an xã hội. Vì vậy, cần phải xử phạt thật nghiêm khắc cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ điều kiện giáo dục, cải tạo các bị cáo tHành người có ích cho gia đình và xã hội.

Xét về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo thấy rằng:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo đều không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đều đã tHành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Do vậy các bị cáo được hưởng 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s Khoản 1 Điều 51 BLHS. Bị cáo L có bố đẻ là thương binh hạng 2/4 nên được hưởng thêm 01 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo C là người dân tộc nên hạn chế về nhận thức pháp luật. Do vậy có thể xem xét cho các bị cáo được hưởng mức án khởi điểm của khung hình phạt là phù hợp.

[4] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy các bị cáo đều là lao động tự do, không có nghề nghiệp ổn định, không có thu nhập ổn định, không có tài sản riêng, nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo là phù hợp.

[5] Về xử lý vật chứng:

Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra tạm giữ của Bùi Mạnh T 01 điện thoại di động nhãn hiệu iPhone XS Max màu vàng cài sim số 0983882099, tạm giữ của Nguyễn Văn L 01 điện thoại di động nhãn hiệu iPhone 7 màu đen cài sim số 0963113555. Sau khi làm rõ, xác định không liên quan đến Hành vi phạm tội nên Cơ quan điều tra đã trả lại cho bị cáo T và bị cáo L là chủ sở hữu, là hợp pháp cần chấp nhận.

[6] Về nguồn gốc số ma túy cung cấp cho C, Bùi Mạnh T khai do T nhặt được tại ghế sofa ở sảnh quán karaoke Hằng Nga trước khi vào hát, ngoài lời khai của T không có tài liệu nào khác chứng minh nên không có căn cứ để xác định cụ thể nguồn gốc số ma túy trên để xử lý trong vụ án này, là phù hợp.

[7] Về việc chia ma túy cho L, H, T như trên, bị cáo C khai nhận là do bị cáo T bảo với bị cáo C. Tuy nhiên, bị cáo T không thừa nhận nội dung này, khẳng định việc bản thân bẻ viên ma túy ra thành 04 mảnh rồi đưa cho bị cáo C là do bị cáo C xin và nhờ bẻ nhỏ để dễ sử dụng. Mục đích bị cáo T cung cấp ma túy cho bị cáo C là để cho bị cáo C sử dụng, bị cáo T không biết việc bị cáo C sử dụng như thế nào. Bị cáo L và anh Văn T H, chị Lò Thị T cũng xác nhận bị cáo T không nói gì với mình, không biết nguồn gốc số ma túy mà bị cáo C đưa do đâu mà có. Do vậy, không có đủ căn cứ để xử lý bị cáo Bùi Mạnh T đồng phạm với bị cáo C theo khoản 2 Điều 255 Bộ luật hình sự là phạm tội đối với 02 người trở lên mà chỉ đề cập xử lý bị có Bùi Mạnh T theo khoản 1 Điều này, là phù hợp.

[8] Đối với Hành vi kinh doanh dịch vụ karaoke ngoài thời gian quy định của anh Vũ Đình Q không liên quan đến vụ án, đồng thời anh Q và vợ là chị Ngô Thị N cũng không biết việc các đối tượng sử dụng ma túy trong quán Karaoke thuộc quyền quản lý của mình nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý hình sự đối với anh Q và chị Nga, chỉ xử phạt vi phạm Hành C đối với anh Q về Hành vi kinh doanh dịch vụ karaoke ngoài thời gian quy định là phù hợp.

[9] Đối với Hành vi sử dụng trái phép chất ma túy của Lò Thị C, Nguyễn Văn L, Đặng Quốc T, Văn T H, Lò Thị T, Cơ quan điều tra chuyển Công an huyện Đ xử phạt vi phạm Hành C, là phù hợp.

[10] Về án phí: Các bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

[11] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ đối với bị cáo C, bị cáo L là phù hợp cần chấp nhận. Đối với bị cáo T đại diện Viện kiểm sát đề nghị mức hình phạt từ 2 năm 3 tháng đến 2 năm 6 tháng tù, HĐXX thấy rằng bị cáo T phạm tội lần đầu, nhân thân chưa có tiền án tiền sự, tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên có thể xem xét cho bị cáo mức khởi điểm là phù hợp, thể hiện tính nhân đạo của pháp luật.

[12] Các bị cáo có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố: Các bị cáo Lò Thị C, Bùi Mạnh T, Nguyễn Văn L phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”.

Căn cứ Điểm b khoản 2 điều 255, điểm s khoản 1 điều 51, điều 38 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Lò Thị C: 07 (Bảy) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ là ngày 29/6/2021.

Căn cứ khoản 1 điều 255, điểm s khoản 1 điều 51, điều 38 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Bùi Mạnh T: 02 (Hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi thi Hành án. Trừ cho bị cáo thời gian đã bị tạm giữ từ ngày 29/6/2021 đến ngày 05/7/2021.

Căn cứ khoản 1 điều 255, điểm s khoản 1 và khoản 2 điều 51, điều 38 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn L: 02 (Hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi thi Hành án. Trừ cho bị cáo thời gian đã bị tạm giữ từ ngày 29/6/2021 đến ngày 05/7/2021.

Hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a Khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Xác nhận Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện Đ đã trả cho bị cáo Bùi Mạnh T 01 điện thoại di động nhãn hiệu iPhone XS Max màu vàng cài sim số 0983882099, trả cho bị cáo Nguyễn Văn L 01 điện thoại di động nhãn hiệu iPhone 7 màu đen cài sim số 0963113555.

(Theo biên bản về việc trả lại đồ vật, tài liệu ngày 17/11/2021 của CQCSĐT Công an huyện Đ).

3. Về án phí: Áp dụng Khoản 2 Điều 135; Khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điểm a Khoản 1 Điều 23 Nghị Q số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Buộc các bị cáo Lò Thị C, Bùi Mạnh T, Nguyễn Văn L mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án giao cho họ hoặc niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Sở Tư pháp tỉnh Phú Thọ;
- VKS ND huyện Đ, tỉnh Phú Thọ;
- Công an huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Các bị cáo;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan
- Lưu HSVA; VP

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

đã ký

Nguyễn Khanh